

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày: 19 - 10 - 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Huân

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-TCDS ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: số 89, đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT

Người được ủy quyền: Ông Đỗ Thành T- Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ

Người được ủy quyền lại: Ông Đào Tùng L; Địa chỉ: số 108 đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (theo văn bản ủy quyền số 166A/2020/UQ –VPB ngày 23/12/2020). Ông L có mặt.

2. Bị đơn: Bà Tường Thị M. Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:

Bà Trương Thị M có ký kết Hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng TMCP V-Phòng giao dịch B với các nội dung cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng cho vay số LN1811031041391/QTH/HĐCV ngày 06/11/2018; Khế ước nhận nợ số LN1811031041391/QTH/HĐCV ngày 06/11/2018, CIF 5197944 bà Trương Thị M có vay tại Ngân hàng V số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất trong hạn 9,8 %/năm, lãi và gốc trả 01 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% nợ trong hạn, phạt lãi chậm trả theo quy định của Hợp đồng tín dụng.

Để đảm bảo thực hiện Hợp đồng tín dụng bà Trương Thị M đã thế chấp tài sản đảm bảo để thực hiện hợp đồng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 36 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 970001 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 05/7/2017 mang tên bà Trương Thị M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1811031041391/QTH/HĐTC ngày 05/11/2018 có công chứng tại Văn phòng công chứng nhất tín tỉnh Quảng Bình.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 96.893.000 đồng.

Trong quá trình Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án, bà M tiếp tục thanh toán nợ gốc và nợ lãi, tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 138.154.910 đồng, trong đó trả nợ gốc 109.331.400 đồng và nợ lãi 28.823.510 đồng.

Hiện nay bà M còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 40.668.600 đồng và số tiền lãi (đến ngày 19/10/2021) là 8.530.753 đồng. Tổng cộng: 49.199.353 đồng.

Phía Ngân hàng yêu cầu bà M thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ trên và tiếp tục lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi bà M thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V.

Ngày 16/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ số 36 tại thôn P, xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 970001 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 05/7/2017 mang tên bà Trương Thị M. Kết quả thẩm định cho thấy:

Về tứ cận thửa đất:

Phía Tây Nam giáp với rừng sản xuất (thửa đất số 189) cạnh có chiều dài 13,61m.

Phía Đông Nam giáp với rừng sản xuất và thửa đất của ông Tường Thanh Đ (thửa đất số 182) có chiều dài theo thứ tự các cạnh từ các điểm 16 đến điểm 20: Cạnh từ điểm 16 – điểm 17 có chiều dài 33,18 m; Cạnh từ điểm 17- điểm 18 có chiều dài 3,79 m, Cạnh từ điểm 18 – điểm 19 có chiều dài 2,5m; Cạnh điểm 19 – điểm 20 có chiều dài 15m.

Phía Đông Bắc giáp với thửa đất của ông Tường Văn S (thửa đất số 174) và ông Tường T (thửa đất số 158) có chiều dài theo thứ tự các cạnh từ các điểm 12 đến điểm 16: Cạnh từ điểm 12 - điểm 13 có chiều dài 9,68m; Cạnh từ điểm 13- điểm 14 có chiều dài 8,3m; Cạnh từ điểm 14 – điểm 15 có chiều dài 20,16m; Cạnh từ điểm 15 – điểm 16 giáp đường giao thông có chiều dài 2,15m.

Phía Tây Bắc giáp với thửa đất của ông Tường Văn C (thửa đất số 157) có chiều dài theo thứ tự các cạnh từ các điểm 01 đến điểm 12: Cạnh từ điểm 01 – điểm 02 có chiều dài 8,67m; Cạnh từ điểm 02 – điểm 03 có chiều dài 3,91m, Cạnh từ điểm 03- điểm 04 có chiều dài 2,41 m; Cạnh từ điểm 04 –điểm 05 có chiều dài 2,87m, Cạnh từ điểm 05- điểm 06 có chiều dài 4,18m; Cạnh từ điểm 06 – điểm 07 có chiều dài 5,51m, Cạnh từ điểm 07- điểm 08 có chiều dài 4,54 m; Cạnh từ điểm 08- điểm 09 có chiều dài 2,37m, cạnh từ điểm 09- điểm 10 có chiều dài 12,32m, cạnh từ điểm 10 – điểm 11 có chiều dài 2,51m, cạnh từ điểm 11 – điểm 12 có chiều dài 0,04m.

Về tài sản trên đất:

Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 làm ba gian nằm ở phía Tây Nam của thửa đất, xây bằng đá vữa vôi, lợp ngói, diện tích 42,64 m².

Phía Tây Bắc của thửa đất có một nhà bếp, xây bằng vữa xi măng lợp Phi bờ rô xi măng, có diện tích 23,65 m².

Trên đất có 01 giếng đào, đường kính 0,95m.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần cho bà Tường Thị M nhưng bà M không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Tùng kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã cử cán bộ liên lạc giao đầy đủ cho gia đình bà M.

Theo lời trình bày của anh Tường Minh H (là con ruột của bà M) và chị Nguyễn Thị T (là con dâu của bà M) đang ở tại nhà của bà M: Sau khi nhận được

các văn bản tố tụng của Tòa án anh H và chị T đã thông báo cho bà M biết việc Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch đã thụ lý và giải quyết vụ án tuy nhiên do bà M bận công việc nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Trương Thị M là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này.

Về nội dung vụ án, áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Trương Thị M. Buộc bà Trương Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 40.668.600 đồng và số tiền lãi (đến ngày 19/10/2021) là 8.530.753 đồng. Tổng cộng: 49.199.353 đồng.

Về chi phí tố tụng và án phí vụ kiện: Bà Trương Thị M phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí vụ kiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Trương Thị M có nơi cư trú tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Thời điểm xác lập hợp đồng tín dụng vào các ngày 06/11/2018 vì vậy cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng bà Trương Thị M vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Trương Thị M.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà M: Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Giữa Ngân hàng TMCP V đối với bà M đã giao kết Hợp đồng tín dụng ngày 06/11/2018. Trên cơ sở Hợp đồng ký kết, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 150.000.000 đồng cho bà M như thỏa thuận. Như vậy, Hợp đồng tín dụng giữa hai bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành.

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thể hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi hàng tháng, vi phạm kỳ hạn thanh toán theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 138.154.910 đồng.

Sau đó bà M không trả nợ đúng hạn nên Ngân hàng đã chuyển số tiền gốc vay chưa trả theo phân kỳ sang nợ quá hạn và tính lãi phạt đối với tiền lãi không trả đúng theo kỳ. Như vậy, bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận ký kết. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng TMCP V khởi kiện đối với bà Tường Thị M yêu cầu thanh toán số tiền 49.199.353 đồng, trong đó tiền gốc 40.668.600 đồng và tiền lãi (đến ngày 19/10/2021) là 8.530.753 đồng và yêu cầu bà M phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ là có cơ sở, phù hợp với nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng và các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1811031041391/QTH/HĐTC ngày 05/11/2018 có công chứng tại Văn phòng công chứng nhất tín tỉnh Quảng Bình giữa Ngân hàng TMCP V và bà M thì tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ hợp đồng là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 36 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 970001 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 05/7/2017 mang tên bà Tường Thị M. Hợp đồng thế chấp tài sản có nội dung và hình thức đúng với quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia. Ngày 16/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ số 36 trong hợp đồng thế chấp. Kết quả thẩm định cho thấy: Hiện trạng thửa đất đúng như trong Hợp đồng thế chấp. Do đó, trường hợp bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ theo Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Về chi phí tố tụng: Trong giai đoạn xét xử, Ngân hàng TMCP V đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng, đã chi phí hết. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà Tường Thị M phải hoàn trả chi phí tố tụng cho phía nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy bà Tường Thị M phải chịu toàn bộ án phí vụ án để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt bà Tường Thị M.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Tường Thị M.

Buộc bà Tường Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 49.199.353 đồng, trong đó tiền gốc là 40.668.600 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/10/2021) là 8.530.753 đồng. Buộc bà Tường Thị M tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/10/2021), bà M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

3. Tài sản đã thế chấp được bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bà M là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số CI 970001 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 05/7/2017 mang tên bà Tường Thị M có địa chỉ tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1811031041391/QTH/HĐTC ngày 05/11/2018 được bảo đảm cho nghĩa vụ thi hành án của bà Tường Thị M. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành

án là Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bà Tường Thị M để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì các giấy tờ nhà, đất nói trên được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch bán, trả nợ cho Ngân hàng TMCP V theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Tường Thị M phải hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tường Thị M phải chịu 2.460.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 2.583.000 đồng mà đại diện Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007527 ngày 12/01/2021.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/10/2021). Bà Tường Thị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Tùng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

